TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THỦY** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08- 8- 2019
V/v: tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THỦY TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Cương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Phi

2. Bà Bùi Thị Then

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Sấu Thượng, xã Thanh Lương,

huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

+ Bị đơn: Đỗ Hồng P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Thượng Khê, xã Cấn Hữu, huyện

Quốc Oai, TP Hà Nội

Nơi công tác: Ngân hàng nông nghiệp và phát

triển nông thôn huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị

Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Hồng P tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cấn Hữu, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội ngày 18/11/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do anh Đỗ Hồng Phương không quan tâm, chăm lo cho gia đình, có quan hệ không trong sáng với người khác bên ngoài, đến tháng 9/2016 vợ chồng mẫu thuẫn và đã sống ly thân trong thời gian 02 tháng sau đó được hai bên gia đình động viên nên đã về chung sống với nhau, nhưng khi quay lại với nhau thì mâu thuẫn vẫn luôn sảy ra. Đến tháng 9/2018 vợ chồng tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị Nguyễn Thị Thủy yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Hồng P.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Phương A sinh ngày 26/8/2015. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Đỗ Phương A cho đến khi đủ 18 tuổi vì hiện tại chị có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ, có thu nhập ổn định từ việc làm kế toán cho 02 doanh nghiệp là Công ty TNHH Hoàng Minh, Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Dương Minh, và là cán bộ trong biên chế công tác tại trường TH&THCS Thanh Lương tổng thu nhập là 15.599.000đ công việc kế toán của chị hầu hết thời gian làm ở nhà có nhiều thời gian chăm sóc giáo dục cháu Phương Anh, hơn nữa cháu lại là con gái là người mẹ chị sẽ hiểu tam sinh lý của cháu hơn. Ngoài ra chị yêu cầu anh Đỗ Hồng P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đ/tháng tính từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu Đỗ Phương A trưởng thành.

-Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đỗ Hồng Phương là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Đỗ Hồng P thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, thời gian sống ly thân vợ chồng là đúng. Tuy nhiên, anh Đỗ Hồng P vẫn còn thương yêu chị Nguyễn Thị T, anh không ngoại tình, vợ chồng không mâu thuẫn vì vậy anh muốn được quan tâm chăm sóc chị Nguyễn Thị T và con. Anh sẽ chăm lo làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái. Do đó, anh Đỗ Hồng P không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Phương A, sinh ngày 26/8/2015. Nếu hai vợ chồng ly hôn anh Đỗ Hồng P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Đỗ Phương A cho đến khi đủ 18 tuổi vì anh có khả năng kinh tế, thu nhập hàng tháng là 25.000.000đ, có mẹ là Kiều Thị T thời gian rảnh rỗi nhiều có thể cùng anh chăm sóc giáo dục cháu Phương A.

-Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

* Phần tranh luận:

+ Ý kiến phát biểu và đối đáp của chị Nguyễn Thị T:

Vợ chồng kết hôn đã gần 5 (năm) năm trong quá trình chung sống về tình cảm không hợp nhau luôn sảy ra mâu thuẫn đến nay đã trầm trọng vì vậy chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị ly hôn anh P. Về con chung cháu Đỗ Phương A còn nhỏ chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu và yêu cầu anh Đỗ Hồng P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

+ Ý kiến phát biểu và đối đáp của anh Đỗ Hồng P:

Về tình cảm chị T nói không đúng anh vẫn còn yêu thương chị T mong chị T về đoàn tụ nuôi dạy con cái trưởng thành nếu phải ly hôn thì anh xin trực tiếp nuôi cháu Đỗ Phương A và không yêu cầu chị Thủy đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện VKSND huyện Yên Thủy phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của HĐXX tại Tòa đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật,

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91; khoản 4, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Hồng P. Giao cháu Đỗ Phương A, sinh ngày 26/8/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đỗ Hồng P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị T mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi cháu Đỗ Phương A đủ 18 tuổi. Anh P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Đỗ Hồng P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Đỗ Hồng P là bị đơn trong vụ kiện có nơi công tác là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Hồng P thừa nhận kết hôn ngày 28/11/2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cấn Hữu, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, do đó hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Hồng P là hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị T cho rằng trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do anh Đỗ Hồng P không quan tâm, chăm lo cho gia đình, có ngoại tình bên ngoài. Chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đỗ Hồng P vẫn không sửa đổi. Tháng 9/2016 vợ chồng đã ly thân nhưng sau đó vì được gia đình khuyên nhủ và thương con nên tiếp tục chung sống, đến tháng 9/2018 vợ chồng ly thân cho đến nay.

Anh Đỗ Hồng P không đồng ý ly hôn do vẫn còn thương yêu chị Nguyễn Thị T, muốn được quan tâm chăm sóc chị T và con, vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu là do gia đình bố mẹ đẻ chị T. Mặc dù anh Đỗ Hồng P không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm cảm vợ chồng. Bên cạnh đó, anh Đỗ Hồng P và chị Nguyễn Thị T đã sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, việc hàn gắn tình cảm có nhiều khó khăn.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Hồng P đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Hồng P có 01 con chung là cháu Đỗ Phương A, sinh ngày 26/8/2015 thấy rằng hiện tại cháu đang sống với chị Nguyễn Thị T, cháu lại là con gái ngoài ra thu nhập hàng tháng của chị Thủy là 15.599.000đ *(mười lăm triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng)* hiện tại chị T đang chung sống cùng bố mẹ đẻ, có nơi ở ổn định, có thể hàng ngày trực tiếp chăm sóc con, môi trường và công việc kế toán trường học của chị khi chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phương A sẽ thuận lợi, vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị Nguyễn Thị T.

Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh Đỗ Hồng P thấy rằng, hiện tại công việc của anh P xa gia đình, tuy anh có mức thu nhập ổn định là 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*)/tháng nhưng về thời gian trực tiếp chăm sóc con anh không có, cháu Đỗ Phương A là con gái lại còn nhỏ cần sự chăm sóc và am hiểu tâm sinh lý của người mẹ vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn của anh Đỗ Hồng P.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T yêu cầu anh Đỗ Hồng P cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi tính từ tháng 9/2019, thấy rằng anh Đỗ Hồng P có mức

thu nhập 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng)/*tháng căn cứ vào mức thu nhập trên của anh Phương và khả năng thực tế, nhu cầu thiết yếu của cháu Đỗ Phương A. Hội đồng xét xử căn cứ điều 116 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T.

Anh Đỗ Hồng P được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Hồng P tự thỏa thuận không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Hồng P cùng trình bày không nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Hồng P

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Phương A, sinh ngày 26/8/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc giáo dục. Anh Đỗ Hồng P phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị T mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đỗ Phương A đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2019. Anh Đỗ Hồng P được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Hồng P tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Hồng P cùng trình bày không nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003929 ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

Anh Đỗ Hồng P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS;
- Toà án Tỉnh;
- THA DS
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Cương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Cương

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS;
- Toà án Tỉnh;
- THA DS
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Cương